

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 136/2022/HNGĐ-ST

Ngày 03-8-2022

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Văn Nhung;

2. Bà Trần Thị Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Trung Hiếu, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vương, Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 240/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2022 về Tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 87/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị X, sinh năm 1984; thường trú: Ấp B L, xã B Th, thị xã H Ng, tỉnh Đồng Tháp. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Ngô Nhật Tr, sinh năm 1979; thường trú: Số 163/8 đường Tr H Đ, khu phố T A, phường Đ H, thành phố D A, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Phạm Thị X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị X và anh Ngô Nhật Tr sau thời gian tìm hiểu thì tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B Th, huyện H Ng, tỉnh Đồng Tháp theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 127, quyển số 01 cấp ngày 30/9/2010. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng thuê nhà và chung sống tại địa bàn thành phố D A, tỉnh Bình Dương, đến đầu năm 2019 chị X chuyển về quê sinh sống và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay.

Trong thời gian đầu, vợ chồng sống rất hạnh phúc, đến đầu năm 2019 thì hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, anh Tr có người phụ nữ khác. Nay nguyên đơn chị X xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị X yêu cầu được ly hôn với anh Tr.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Ngô Nhật N, sinh ngày 01/9/2008. Sau khi ly hôn, chị X đồng ý con chung cho anh Tr trực tiếp nuôi dưỡng và thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Ngô Nhật Tr*: Tòa án đã triệu tập hợp lệ để cung cấp bản tự khai ngày 18/4/2022, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 27/5/2022; tham gia phiên tòa vào các ngày 14/7/2022 và ngày 03/8/2022 nhưng vắng mặt không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu của chị X và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

- *Tại biên bản xác minh nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị X và anh Tr do Tòa án tiến hành ngày 18/4/2022, chính quyền địa phương cung cấp thông tin như sau*: Chị X và anh Tr trước khi nộp đơn khởi kiện xin ly hôn tại Tòa án chị X không yêu cầu chính quyền địa phương tổ chức hòa giải cơ sở. Quá trình chung sống thực tế mâu thuẫn giữa hai vợ chồng, vấn đề chăm sóc, nuôi dạy con chung như thế nào chính quyền địa phương không nắm rõ vì không thấy đại diện khu phố hay địa phương phản ánh phản ánh hay cung cấp thông tin gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa*:

Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa sơ thẩm Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

Về hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng sống không hạnh phúc do mâu thuẫn kéo dài, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn và yêu cầu giải quyết về con chung là có cơ sở chấp nhận. Về tài sản chung và nợ chung nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào các ngày 14/7/2022 và ngày 03/8/2022 nhưng đều vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều

227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Năm 2010, chị Phạm Thị X và anh Ngô Nhật Tr tự nguyện tìm hiểu tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B Th, huyện H Ng, tỉnh Đồng Tháp, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 127, quyển số 01 cấp ngày 30/9/2010 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Chị Phạm Thị X xác định trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau, hiện nay hai vợ chồng sống ly thân nên chị X yêu cầu được ly hôn với anh Tr. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Tr đến làm việc nhưng đều vắng mặt không rõ lý do, anh Tr không đến tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đồng thời, anh Tr cũng không có văn bản thể hiện thiện chí đưa ra phương án hàn gắn mối quan hệ giữa anh với chị X, vì vậy có cơ sở xác định cuộc sống hôn nhân của chị X và anh Tr đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chị Phạm Thị X yêu cầu được ly hôn với anh Ngô Nhật Tr là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Ngô Nhật N, sinh ngày 01/9/2008. Hiện cháu N đang ở cùng với bị đơn anh Ngô Nhật Tr (theo biên bản xác minh ngày 15/6/2022 tại Công an phường Đ H), nguyên đơn đồng ý giao con chung cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng. Việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét về mọi mặt của con chưa thành niên. Trong suốt quá trình tố tụng, nguyên đơn đồng ý giao con chung cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng, đồng thời lời khai của cháu N mong muốn được sống chung cùng với ba sau khi ba mẹ ly hôn. Xét thấy, cháu N từ nhỏ đến nay sống chung với ba mà vẫn phát triển tốt. Vì vậy, Tòa án chấp nhận yêu cầu giao con chung cho bị đơn nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.3] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Phạm Thị X thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Ngô Nhật N mỗi tháng 2.000.000 đồng.

[3] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4] Từ những phân tích nêu trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị của đại diện Viện kiểm nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương là phù hợp.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, 227, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị X đối với bị đơn anh Ngô Nhật Tr.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị X được ly hôn với anh Ngô Nhật Tr. (Theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 127, quyền số 01 do Ủy ban nhân dân xã B Th, huyện H Ng, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 30/9/2010).

Về con chung: Chị Phạm Thị X giao 01 con chung tên Ngô Nhật N, sinh ngày 01/9/2008 cho anh Ngô Nhật Tr trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Phạm Thị X có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Ngô Nhật N mỗi tháng 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Nam đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị Ngô Nhật Tr có yêu cầu thi hành án, nếu chị Phạm Thị X chậm trả số tiền trên thì hàng tháng chị X còn phải trả cho anh Tr khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Sau khi ly hôn chị Phạm Thị X và anh Ngô Nhật Tr có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Anh Ngô Nhật Tr phải tạo điều kiện cho chị Phạm Thị X trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

2. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị X phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí về ly hôn và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003708 ngày 13/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh

Bình Dương, chị Phạm Thị X còn phải tiếp tục nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

4. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

